

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 10/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (Viết tắt là A);

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T – Giám đốc A Chi nhánh B.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trương Văn Đ – Phó giám đốc A Chi nhánh B. (Theo giấy ủy quyền số 761/NHNo.BTH-TH ngày 05/4/2024).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Lường Thị T1 - sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 28/6/2024, ông Nguyễn Hữu T và bà Lường Thị T1 còn nợ lại Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 3590-LAV-202301347 ngày 27/04/2023 với số tiền tổng cộng là: 2.882.545.330 đồng. Trong đó gốc: 2.607.000.000 đồng; lãi: 275.545.330 đồng.

Ông T, bà T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho A theo kế hoạch phân kỳ trả nợ như sau:

- Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 28/7/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 28/8/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 28/9/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 4: Chậm nhất đến ngày 28/10/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 5: Chậm nhất đến ngày 28/11/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 6: Chậm nhất đến ngày 28/12/2024 thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 7: Chậm nhất đến ngày 28/01/2025 thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 8: Chậm nhất đến ngày 28/02/2025 thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ngân hàng;
- Kỳ 9: Chậm nhất đến ngày 28/03/2025 thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 2.672.545.330đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi đồng). (Gốc là: 2.397.000.000đ và lãi là: 275.545.330đ).

Ông T, bà T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc của HĐTD số 3590-LAV-202301347 ngày 27/04/2023 cho A.

Trong trường hợp ông T, bà T1 vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào theo thỏa thuận cam kết trả nợ trên thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 255207 do Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn cấp ngày 05/12/2018, kèm theo trang bổ sung giấy chứng nhận số 02 do Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Sầm Sơn cấp ngày 27 tháng 09 năm 2019. Địa chỉ tài sản tại Tổ dân phố A, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa đứng tên bà Lương Thị T1 và ông Nguyễn Hữu T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3590/199/15/2022 ngày 19/04/2022.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 583682 do Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn cấp ngày 20/07/2020 và theo hồ sơ số 009108CN001 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Sầm Sơn xác nhận ngày 11/07/2022; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T; CCCD số: 038075012449 và vợ là bà Lương Thị T1; CCCD số:

038175012113. Địa chỉ tài sản tại TDP. An Chính, P. Quảng Châu, TP Sầm Sơn, Thanh Hóa. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3590/356/15/2022 ngày 21/7/2022. (Do nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi đề ngày 12/6/2024).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Lương Thị T1 phải nộp tiền án phí KDTM sơ thẩm là: 44.825.000đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (làm tròn số).

Ngân hàng N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí: 43.970.000đ (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004873 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát TP Sầm Sơn;
- THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng